TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H 2 phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày: 13/7/2023
V/v tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về Yêu cầu chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H 1, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm Tân Hương, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa

Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: xóm Tân Hương, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Viết Đ , bà Đoàn Thị Hồng H , đều là Luật sư Công ty luật TNHH Hà Sơn Bình, đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H 2, sinh 1962. Địa chỉ: Tổ 4, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Nguyễn Thị H 3, sinh năm 1964; Địa chỉ: xóm 3, xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà 10, khu Đoàn Kết, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh 1972. Địa chỉ: Xóm 3, xã Tử Nê, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

Bà H 2, bà H 3, bà N, bà M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H 1.

5. Chị Nguyễn Thị Thu H4, sinh 2000. Địa chỉ: xóm Tân Hương, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Ủy quyền cho bà Dương Thị L.

6. Bà Dương Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: xóm Tân Hương, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Người kháng cáo: Bà Dương Thị L; bà Dương Thị T; chị Nguyễn Thị Thu H4.

Kháng nghị số 01/QĐ – VKS - DS ngày 13/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp, thu thập chứng cứ, tóm tắt nội dung vụ án như sau: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Giáp và cụ Nguyễn Thị My sinh được 05 người con là: Nguyễn Thị H 1, sinh năm 1960; Nguyễn Thị H 2, sinh năm 1962; Nguyễn Thị H 3, sinh năm 1964; Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Nguyễn Thị M, sinh năm 1972.

Năm 1998 cụ My chết không để lại di chúc. Tài sản của cụ Giáp và cụ My là ngôi nhà trên diện tích đất 646m^2, tại xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Giáp.

Ngày 01/7/2000 cụ Giáp kết hôn với bà Dương Thị L (có đăng ký kết hôn). Cụ Giáp và bà L có sinh được một con chung là chị Nguyễn Thị Thu H4. Sinh năm 2000. Sống trên nhà và đất của cụ Giáp và cụ My. Ngày 17/3/2006 cụ Giáp và bà L làm thủ tục đổi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ cụ Giáp, sang cụ Giáp và bà L. Ngày 11/6/2007 cụ Giáp làm thủ tục tách tặng cho con gái là Nguyễn Thị M diện tích đất 128m^2. (Chị M đã được cấp GCN QSD). Ngày 30/11/2012 cụ Giáp chết không để lại di chúc.

Khoảng năm 2017 bà L có gọi các con của chồng là các bà H 1, H 2, H 3, N, M về nhà để ký giấy tờ để bà làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Do tin tưởng bà L nên các bà đã ký vào giấy tờ do bà L chuẩn bị. Sau đó các bà mới biết bà L lừa các bà ký vào giấy từ chối nhận thừa kế đối với di sản của cụ Giáp. Bà L còn tự ý cắt đất cho em gái là bà Dương Thị T. Bà khởi kiện đề nghị:

1. Yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 17/3/2006 mang tên cụ Giáp và bà L, diện tích 646m^2, tại xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Giá trị khoảng 01 tỷ đồng.

2. Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng từ chối nhận di sản thừa kề của ông Nguyễn Văn Giáp mà bà H 1, bà H 3, bà N, bà M đã ký và được UBND xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc chứng thực và văn bản công chứng từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Giáp mà bà Nguyễn Thị H 2 đã ký được Văn phòng công chứng Tín Phát, thành phố Hòa Bình công chứng là vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án bà H 1 cùng các em rút yêu khởi kiện về việc đề nghị tuyên bố các văn bản công chứng vô hiệu; rút một phần yêu cầu chia thừa kế của cụ Giáp. Chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Mi để lại. Đối với phần đất cụ Giáp và bà L đã tách cho chị M nằm trong quyền tự định đoạt của cụ Giáp nên đề nghị được giữ nguyên. Bà H 2, bà H 3, bà N, bà M ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H 1, các bà thống nhất như lời khai của bà H 1 và yêu cầu khởi kiện của bà H 1.

Bị đơn bà Dương Thị L trình bày: Đồng ý như ý kiến trình bày của các chị em của chị H 1 về quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân giữa bà và cụ Giáp. Không đồng ý việc các con của cụ Giáp, cụ Mi khởi kiện chia thừa kế vì khi còn sống, ông Giáp đã lo cho các con đầy đủ, riêng cháu Nguyễn Thị M là con út chưa lo được gì nên bà và ông Giáp thống nhất chia cho cháu M đất ở 128m^2. Khi ông Giáp chết không để lại di chúc, mọi người từ chối nhận di sản thừa kế, chỉ còn bà và con của bà và ông Giáp là Hiền, cháu Hiền tự nguyện cho bà vì vậy bà có toàn quyền đối với thửa đất.

Ngày 07/01/2019 Ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc cấp GCN QSD đất thửa 257, diện tích 238,8m^2; Thửa 258, diện tích 262,3m^2 mang tên bà Dương Thị L.

Ngày 19/8/2019 bà L làm hợp đồng tặng cho em gái là Dương Thị T 114,5m^2 + 64,5m^2. Thực chất là ông Giáp và bà bán cho em Thường từ năm 2010. Giá 80 triệu đồng, sau đó chia cho mỗi con gái của ông Giáp 20 triệu đồng. Riêng cháu M đã cho đất nên không cho tiền.

Chị Nguyễn Thị Thu H4 trình bày: Chị là con của ông Giáp và bà L, là con cùng cha khác mẹ với các chị H 1, H 2, H 3, N, M. Năm 2012, khi ông Giáp chết, các chị đều đã yên ổn mỗi người một nơi. Chị còn nhỏ nên sống với bố mẹ. Khi các chị từ chối nhận di sản của bố để lại, chỉ có chị và mẹ nhận. Sau khi nhận di sản thừa kế, mẹ chị đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Chị đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cả hai bên.

Bà Dương Thị T trình bày: Bà mua đất của anh rể là ông Giáp từ năm 2010, với giá 80 triệu đồng. Đã trả đủ tiền. Tháng 8/2010 gia đình bà đã xây nhà trên đất, ở từ đó đến nay. Năm 2019 mới thực hiện các thủ tục theo quy định của luật đất đai, để giảm tiền thuế nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ghi là tặng cho. Thực chất là nhận chuyển nhượng và đã trả đủ tiền. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các con ông Giáp.

Kết quả định giá tài sản ngày 10/8/2022 của cấp sơ thẩm tiến hành:

Giá trị đất là 175.000.000đ/m mặt đường x 19,12m = 3.360.000.000đ.

Nhà cấp III hiện bà L đang sử dụng 316.306.000đ; Quán 129.820.000đ;

Mái hiên 1.682.000đ. Tổng cộng 447.807.000đ.

Nhà ở của bà Thường đang sử dụng 48.895.000đ; bếp 3.057.000đ. Tổng cộng 51.952.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/DS ST/2022 ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc đã xử: Áp dụng các điều 733, 734, 735; 632, 633, 634, 645, 675, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật hôn nhân gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do Cụ Nguyễn Thị Mi để lại cho bà Nguyễn Thị H 1 và các chị em Nguyễn Thị H 2, Nguyễn Thị H 3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M.

2/ Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị Mi để lại. Cụ thể:

Giữ nguyên GCNQSD 02 thửa đất số CS 573794 cấp ngày 19/8/2019 tại thửa 260, tờ bản đồ số 23, được sử dụng 114,5m^2 đất. Trong đó có 90,7m^2 đất ở và 23,8m^2 đất trồng cây lâu năm; và thửa số CS 596303 cấp ngày 23/8/2019 tại thửa đất số 262, tờ bản đồ số 23, được sử dụng 64,5m^2 đất ở đều tại xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và đều mang tên bà Dương Thị T.

Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ADD 064420 ngày 11/6/2007, và sổ số: H00606 được sử dụng 128m^2 đất tại thửa số 00, tờ bản đồ số 01. Trong đó có 100m^2 đất ở và 28m^2 đất trồng cây lưu niên tại xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mang tên Nguyễn Thị M.

Chia cho các bà Nguyễn Thị H 1, Nguyễn Thị H 2, Nguyễn Thị H 3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M được sử dụng phần đất làm nhà kho tạm, toàn bộ phần đất đằng sau, phía tây giáp nhà cụ Nguyễn Thị Nhàn; mặt giáp quốc lộ 12B là 6,2m. Tổng gía trị 1.085.661.000đ.

Chia cho bà Dương Thị L được sử dụng phần nhà đất đã xây dựng kiên cố có bề mặt phía đông giáp quốc lộ 12B là 5,6m; phía tây giáp đất được chia cho bà H 1, H 2, H 3, N, M rộng 5,6m; phía Nam giáp đất được chia của bà H 1, H 2, H 3, N, M; phía bắc giáp đất của bà Dương Thị T.

Tổng giá trị 1.297.146.000đ.

Bà Dương Thị L được sử dụng toàn bộ phần vật liệu làm nhà kho tạm và mái hiên trên đất của bà Nguyễn Thị H 1 và các chị em.

Về án phí: Các bà Nguyễn Thị H 1, Nguyễn Thị H 2, Nguyễn Thị H 3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M phải chịu 22.175.000đ án phí DSST. Đã nộp 21.000.000đ theo biên lai thu số 0005052 ngày 06/01/2021 và 300.000đ theo biên lai số 0002620 ngày 14/6/2021. Nay được đối trừ và còn phải nộp thêm 875.000đ.

Bà Dương Thị L phải chịu 50.915.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 22/11/2022 bà Dương Thị L; Dương Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H4 kháng cáo cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án vì bản án tuyên không đúng với các chứng cứ đã cung cấp.

Tại quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 13/12/2022 của Viện trưởng VKS nhân dân tỉnh Hòa Bình đã kháng nghi toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì cấp sơ thẩm đã vi phạm, cụ thể:

1.Vi phạm tố tụng:

+ Phần quyết định của bản án sơ thẩm không đình chỉ đối với nội dung khởi kiện mà nguyên đơn đã rút (rút phần chia thừa kế của cụ Giáp và phần đề nghị tuyên bố văn bản chứng thực từ chối nhận thừa kế);

+ Ra QĐ đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự do bà H 2 rút yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là không đúng. Mà chỉ nhận định và quyết định trong bản án.

+ Chưa nhận định đánh giá và quyết định về nội dung khởi kiện bổ sung của bà H 1, bà H 3, bà N, bà M về yêu cầu tuyên bố văn bản chứng thực tại UBND xã vô hiệu.

2. Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ**:** Chưa thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các nguyên đơn về việc có việc ông Giáp chuyển nhượng đất 80 triệu đồng cho bà Thường hay không.

3. Việc phân tích, đánh giá chứng cứ chưa đúng: Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định giữ nguyên 03 GCNQSD đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị M và bà Dương Thị T không trừ vào khối tài sản chung của cụ Giáp, cụ Mi mà chỉ trừ vào tài sản của cụ Giáp là không đúng án lệ số 16/2017/AL ngày 14/12/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4. Tính án phí sai: Nguyên đơn chỉ phải chịu 50% án phí là ko đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Với những sai phạm nêu trên, đề nghị hủy toàn bộ bản án.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Trên diện tích đất đề nghị chia thừa kế còn có tài sản của bà L là giếng nước và tường bao chưa được xem xét. Cụ Giáp khi còn sống đã chia đất cho các con, đã định đoạt toàn bộ diện tích đất. Có 04 bà được nhận thừa kế bằng tiền; 01 bà nhận bằng đất. Căn cứ tinh thần của án lệ số 24/ 2018 do TAND Tối cao ban hành thì các bà nguyên đơn không có quyền khởi kiện đề nghị chia đất. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS ND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa và những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm có những sai sót cả về tố tụng, cả nội dung và tính án phí không chính xác. Việc thu thập chứng cứ đã được cấp phúc thẩm khắc phục. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và người có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

1.Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H 1 khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế di sản là quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Thuộc thẩm quyền xét xử của TAND huyện Tân Lạc theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Ngày 15/11/2022 xét xử sơ thẩm. Ngày 22/11/2022 bà Dương Thị L, bà Dương Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H4 kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

Ngày 13/12/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình được thực hiện trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H 1 khởi kiện đề nghị chia thừa kế là quyền sử dụng đất của bố, mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Giáp và cụ Nguyễn Thị Mi để lại, là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 01, diện tích 646m^2. Sau đó, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị tuyên bố các văn bản từ chối nhận di sản thừa kế được công chứng tại văn phòng công chứng Tín Phát, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và các bản chứng thực từ chối nhận di sản thừa kế được UBND xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chứng thực là vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố các văn bản từ chối nhận di sản thừa kế vô hiệu; Rút phần đề nghị chia di sản của cụ Giáp để lại, bao gồm cả kỷ phần ông Giáp được hưởng thừa kế của bà Mi. Chỉ đề nghị chia di sản của cụ Mi để lại cho các nguyên đơn. Theo hướng dẫn tại mục 8, phần về dân sự của Giải đáp số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao thì phải nhận định trong phần nhận định của bản án và tuyên Đình chỉ các phần đương sự đã rút trong phần Quyết định của bản án.

Tòa án cấp sơ thẩm ban hành một Quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với phần rút yêu cầu tuyên bố văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H 2 do văn phòng công chứng Tín Phát, thành phố Hòa Bình công chứng là không đúng với hướng dẫn nêu trên.

Về phần rút văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Giáp được UBND xã Thanh Hối chứng thực, cấp sơ thẩm nhận định đây là văn bản chứng thực chữ ký, không chứng thực nội dung văn bản nên không thuộc diện yêu cầu khởi kiện bổ sung. Bà H 1, bà H 3, bà N, bà M đã rút phần yêu cầu này nên Tòa không xem xét tính hợp pháp của các văn bản chứng thực này. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu bổ sung này của nguyên đơn, đã cho nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn lại rút yêu cầu này. Lẽ ra cũng phải nhận định và quyết định đình chỉ phần khởi kiện đã rút trong bản án. Phần này cấp sơ thẩm có sai sót. Kháng nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình đối với nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

Về xác định di sản là diện tích đất đề nghị chia thừa kế: Cụ Giáp và cụ Mi tạo lập được diện tích đất là 646m^2. Năm 1998 cụ Mi chết, không để lại di chúc. Năm 2000 cụ Giáp kết hôn với bà L. Năm 2007 cụ Giáp và bà L đã tách cho chị Nguyễn Thị M 128m^2. Chị M đã được cấp GCN QSD ngày 11/6/2007. Năm 2010 cụ Giáp và bà L chuyển nhượng cho bà Dương Thị T là em gái ruột của bà L, giá chuyển nhượng 80.000.000đ, chưa đo diện tích cụ thể nhưng có chỉ mốc giới cho nhau. Sau khi trả đủ tiền, bà L nhận đất và làm nhà ở trên đất từ tháng 10 năm 2010, thời điểm này chưa làm thủ tục theo quy định của Luật đất đai.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 129 bộ luật dân sự 2015 thì đối với những giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng với quy định của pháp luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất ⅔ nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Điều này phù hợp với lời khai của bà L và bà Thường trong quá trình giải quyết vụ án mua bán đất từ năm 2010 nhưng do là chị em ruột nên chưa tách bìa, đến năm 2019 mới làm thủ tục tách bìa và ghi là tặng cho để bớt số thuế phải nộp. Phía nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn cho rằng không có việc cụ Giáp chuyển nhượng đất cho bà L nhưng lại thừa nhận có được nhận mỗi người 20 triệu đồng từ bố nhưng không biết đó là tiền gì. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H 1 thừa nhận đó là tiền bố bán đất và chia cho bà, bà H 2, bà H 3, bà N mỗi người 20.000.000đ.

Như vậy, trên tổng diện tích đất là di sản của cụ Giáp và cụ Mi để lại phải trừ đi phần diện tích đất đã tách cho chị Nguyễn Thị M và phần đất đã chuyển nhượng cho bà Dương Thị L, số còn lại mới chia thừa kế cho các đồng thừa kế. (Áp dụng theo án lệ số 16/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao). Cấp sơ thẩm xác định diện tích đất là di sản của cụ Mi và cụ Giáp để lại là toàn bộ 646m^2 để chia là chưa chính xác. Có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của VKS nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Giáp ngày 04/01/1992 là 646m^2. Trừ phần đất đã tách cho chị Nguyễn Thị M là 128m^2; phần đất bán cho bà Dương Thị T 179m^2. Diện tích còn lại 339m^2.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Tân Lạc cấp cho các bà L, Thường và chị M thì diện tích đất không trùng khớp với số diện tích đất nêu trên. Cụ thể bà L có 02 thửa, thửa số 257 diện tích là 238,8m^2; thửa 258 diện tích là 262,3m^2. Cộng hai thửa là 501m^2, trừ phần đất đã chuyển nhượng cho bà Thường 179m^2. Diện tích còn lại là 322.1m^2 .

Kết quả đo thực tế ngày 12/6/2023: Bà L có diện tích đất là (thửa 259 là 147,8m^2 + Thửa 261 là 174,3m^2) = 308.2m^2 (Chiều dài cạnh mặt đường quốc lộ 12B là 10.5m); Bà Thường có diện tích là 189.1m^2.

Theo kết quả đo đạc thì hiện trạng sử dụng đất giữa hộ bà L và hộ bà Thường không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Dẫn đến diện tích đất hộ bà Thường tăng lên 10m^2 so với diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí đất của các hộ xung quanh đã định hình, không có khai hoang

thêm hoặc lấn chiếm đất của gia đình nào khác nên việc xê dịch diện tích đất này chỉ xác định giữa hộ bà L và hộ bà Thường.

Xác định di sản của cụ Giáp và cụ Mi để lại là quyền sử dụng đối với diện tích đất 308$m^{2.}$. Nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế cụ Mi để lại là ½ diện tích đất (308m^2 : 2) = 154m^2.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mi gồm 06 người là Bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M và cụ Giáp. Do cụ Giáp đã chết nên kỷ phần của cụ Giáp được chia cho những người thừa kế thế vị gồm: bà L, chị Hiền, bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M; Mặt khác bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M đã thống nhất từ chối nhận di sản do cụ Giáp để lại bao gồm cả kỷ phần ông Giáp được hưởng thừa kế của bà Mi, nên kỷ phần này sẽ chia cho Bà L và chị Hiền.

Phương án chia: Chia bằng quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H 1 đề nghị công nhận thỏa thuận của bà và bà H 2, bà H 3, bà N, bà M cho một mình bà H 1 đứng tên nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục với cơ quan nhà nước. Việc thỏa thuận này không trái pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

Kỷ phần chia: 154m^2 : 6 = 25,6m^2.

Kỷ phần của Bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M được hưởng là (154: 6) x 5 = 128$m^{2.}$

Kỷ phần Bà L, chị Hiền được hưởng 1/6 là 25,6m^2. Chị Hiền tự nguyện cho bà L, do đó bà L được hưởng toàn bộ.

Vị trí đất chia:

Đất chia nằm trên 02 thửa (Thửa số 259; 261) hiện bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng, có tổng diện tích đo thực tế là 308m^2, có chiều rộng mặt đường quốc lộ 12B là 10,5 m. Trên đất có nhà ở xây kiên cố của bà L và một nhà kho tạm. Phần đất có nhà xây kiên cố sẽ chia cho bà L. Phần đất có nhà kho tạm sẽ chia cho bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M. Các bà được hưởng mặt đường là 4,2m kéo dài vào hết thửa đất (Tức là chia đất ở cả 02 thửa); tính từ phía giáp nhà chị M kéo về phía đất nhà bà Dương Thị L. Còn lại là đất bà L được hưởng. Ranh giới, mốc giới để chia căn cứ theo ranh giới đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại thửa đất số 259, 261 tờ bản đồ số 23, địa chỉ: xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Bản trích đo ngày 12/6/2023 của Chi nH 1 Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc. (Theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO401049 và CO 401050 đã cấp cho bà L ngày 07/01/2019 là thửa 257, 258 tờ bản đồ số 23, địa chỉ: xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình)

Phần diện tích đất chia cho nguyên đơn và người liên quan có liên quan đến nhà kho tạm, mái hiên và tường bao phía cuối thửa đất của bà L xây dựng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý hỗ trợ một khoản tiền hỗ trợ công sức quản lý di sản và công tháo dỡ tài sản cho bà L nhưng không đưa ra số liệu cụ thể. HĐXX xét thấy cần buộc bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M phải thanh toán cho bà L số tiền 50.000.000đ, mỗi người 10.000.000đ là khoản tiền công

tháo dỡ tài sản, giá trị của tường bao phía cuối thửa đất và công sức bà L quản lý di sản là hợp lý.

Ý kiến của Luật sư cho rằng cụ Giáp đã chia thừa kế là diện tích đất di sản của cụ Mi để lại cho 04 bà bằng tiền, 01 bà bằng đất nên các bà không có quyền yêu cầu chia thừa kế. Xét, quá trình giải quyết vụ án và tài liệu có trong hồ sơ không có chứng cứ chứng minh cụ Giáp đã định đoạt phần di sản thừa kế của cụ Mi nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của luật sư. Về giếng nước theo ý kiến của luật sư nêu, nằm trên đất đã chia cho chị Nguyễn Thị M, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu 50% án phí là ko đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kỷ phần thừa kế của các đương sự là diện tích đất có thay đổi so với bản án sơ thẩm do đó án phí được tính lại.

Bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được hưởng là 4,2m x 175.000.000đ/m = 735.000.000đ, phải thanh toán cho bà L 50.000.000đ. Án phí mỗi người phải chịu là 7.850.000đ. Bà H 1, bà H 2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Bà L là người khuyết tật và người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. HĐXX miễn án phí cho bà H 2, bà H 1 và bà L.

Án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị L; Dương Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H4 do kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền dự phí kháng cáo đã nộp.

Cấp sơ thẩm có sai sót về tố tụng, về nội dung và về tính án phí. Tuy nhiên các sai sót này đã được khắc phục ở cấp phúc thẩm. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình và một phần kháng cáo của bà Dương Thị L; Dương Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H4;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình và kháng cáo của bà Dương Thị L; Dương Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H4.

2. Sửa bản án sơ thẩm số 05/DS ST/2022 ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

Áp dụng các Điều 632, 633, 634, 645, 675, 676, 733, 734, 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

2.1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H 1.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với di sản của cụ Nguyễn Văn Giáp và phần yêu cầu tuyên bố các văn bản từ chối nhận di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chứng thực.

2.3. Xác nhận quyền sử dụng đất diện tích 154m^2 là di sản của cụ Nguyễn Thị Mi. Chia di sản thừa kế của cụ Mi cho các đồng thừa kế gồm: bà Nguyễn Thị H 1, Nguyễn Thị H 2, Nguyễn Thị H 3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M và người thừa kế của cụ Giáp là bà Dương Thị L. Cụ thể:

Kỷ phần của bà Nguyễn Thị H 1, bà Nguyễn Thị H 2, bà Nguyễn Thị H 3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M được hưởng là 128m^2 tính từ phía giáp đất của chị Nguyễn Thị M kéo về phía đất nhà bà Dương Thị L với chiều dài mặt đường quốc lộ 12B và chiều rộng cuối thửa đất đều là 4,2m, chiều dài là 30,66m. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đường quốc lộ 12B; phía tây giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nhàn; phía nam giáp đất chị Nguyễn Thị M; phía bắc giáp đất bà Dương Thị L. Ranh giới, mốc giới để chia căn cứ theo ranh giới đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L tại thửa đất số 259, 261 tờ bản đồ số 23, địa chỉ: xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Bản trích đo ngày 12/6/2023 của Chi nH 1 Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc. (Theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO401049 và CO 401050 đã cấp cho bà L ngày 07/01/2019 là thửa 257, 258 tờ bản đồ số 23, địa chỉ: xóm Tân Hương 1, xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, có sơ đồ kèm theo bản án)

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị H 1, bà Nguyễn Thị H 2; bà Nguyễn Thị H 3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M giao diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị H 1 là người đại diện cho các đồng thừa kế nhận đất và làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

2.4. Kỷ phần bà Dương Thị L được hưởng là 25,6m^2 nằm ở diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi trừ đi phần đất chia cho bà Bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M.

2.5. Buộc bà Dương Thị L phải tháo dỡ 01 nhà kho và mái hiên trên diện tích đất chia cho bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M. Bà H 1, bà H 2, bà H 3, bà N, bà M phải thanh toán cho bà Dương Thị L số tiền 50.000.000đ (mỗi người 10.000.000đ) tiền quản lý di sản, giá trị tường bao cuối thửa đất và công tháo dỡ tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thanh toán không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H 1, bà Nguyễn Thị H 2; Bà Nguyễn Thị H 3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu 7.850.000đ án phí DS. Do bà H 1, H 2 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H 1 tự nguyện nộp thay cho bà H 3, bà N, bà M nên đối trừ số tiền 21.000.000đ theo biên lai thu số 0005052 ngày 06/01/2021 và 300.000đ theo biên lai số 0002620 ngày 14/6/2021 của Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc. Bà H 2, bà H 3, bà N mỗi người còn phải nộp 750.000đ tiền án phí.

Bà Dương Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại 300.000đ dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003047 ngày 05/12/2022 của Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc.

Bà Dương Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại 300.000đ dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003049 ngày 05/12/2022 của Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc.

Bà Nguyễn Thị Thu H4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại 300.000đ dự phí kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0003048 ngày 05/12/2022 của Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc.

2.7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 13/7/2023).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hoà Bình
- TAND huyện Tân Lạc
- THA huyện Tân Lạc
- Các Đương Sự
- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Thị Hồng Hoa